

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57 /2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu
cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện
nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15; Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 320/TTr-SNV ngày 15 tháng 4 năm 2026, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 143/BC-STP ngày 09 tháng 4 năm 2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi được tiếp tục áp dụng tại Số thứ tự 48 Phụ lục kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VP UBND tỉnh: PCVP (NC);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC_(Vi, HDN103).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước
trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 20/5/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung trách nhiệm; việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xử lý vi phạm đối với người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) tại các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu (gọi chung là cơ quan, đơn vị).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu (gọi chung là người đứng đầu cơ quan, đơn vị).
2. Người được giao quyền đứng đầu hoặc giao phụ trách cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này, phải chịu trách nhiệm như người đứng đầu cơ quan, đơn vị.
3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc xác định trách nhiệm và xử lý vi phạm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính

1. Nguyên tắc xác định trách nhiệm người đứng đầu
 - a) Khi xem xét, xác định trách nhiệm của người đứng đầu để đánh giá, xếp loại, khen thưởng hoặc xử lý kỷ luật trong thực hiện nhiệm vụ CCHC phải bảo đảm khách quan, đúng người, đúng việc, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan, đơn vị.
 - b) Trong trường hợp người đứng đầu đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và áp dụng tất cả biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ CCHC thì được xem xét giảm nhẹ hoặc miễn trách nhiệm.
2. Nguyên tắc xử lý vi phạm người đứng đầu

Mọi hành vi vi phạm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ CCHC khi được phát hiện phải được xử lý kịp thời. Việc xử lý kỷ luật người đứng đầu có hành vi vi phạm, được tiến hành công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, nghiêm minh và đúng quy định pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Điều 4. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC

a) Xây dựng, ban hành kế hoạch CCHC giai đoạn, hằng năm theo quy định của pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, trên cơ sở những định hướng, nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch cấp trên trực tiếp và tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị.

b) Triển khai và tổ chức thực hiện đầy đủ nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh, của cơ quan, đơn vị.

c) Tổ chức đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh, của cơ quan, đơn vị.

d) Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở, phê bình và xử lý kỷ luật theo thẩm quyền đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

2. Về thực hiện chế độ thông tin báo cáo

Thực hiện báo cáo về CCHC; kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; tổ chức thi hành pháp luật; phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, bảo đảm số lượng, chất lượng, đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định.

3. Về kiểm tra công tác CCHC

a) Hằng năm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra công tác CCHC; xử lý kịp thời các vấn đề phát hiện qua kiểm tra; đồng thời, theo dõi, giám sát kết quả khắc phục những tồn tại, hạn chế sau kiểm tra.

b) Chủ động phối hợp với đoàn kiểm tra CCHC của cấp có thẩm quyền tại cơ quan, đơn vị và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, báo cáo, số liệu cung cấp theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

a) Hằng năm ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC, chú trọng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm kịp thời phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và các quy định của Nhà nước về công tác CCHC đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC; kiểm tra, đôn đốc việc cập nhật các văn bản chỉ đạo, điều hành và thông tin hoạt động về CCHC của cơ quan, đơn vị trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

c) Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị tích cực hưởng ứng, tham gia đầy đủ các cuộc thi tìm hiểu về CCHC do Trung ương và tỉnh tổ chức.

5. Xác định chỉ số CCHC hằng năm

a) Tổng hợp và nhập kết quả tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC hằng năm của cơ quan, đơn vị vào phần mềm chấm điểm xác định Chỉ số CCHC theo quy định, báo cáo cấp có thẩm quyền.

b) Trên cơ sở kết quả xác định Chỉ số CCHC hằng năm của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị tổ chức phân tích các tiêu chí, tiêu chí thành phần, xác định nguyên nhân, đề ra các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm đẩy mạnh công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị.

6. Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành công tác CCHC, bao gồm: Phân công lãnh đạo, tổ chức, công chức phụ trách từng lĩnh vực CCHC đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ; bố trí kinh phí hợp lý cho công tác CCHC; động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC; gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

7. Tham mưu thực hiện hoàn thành đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương giao cho UBND tỉnh và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Cải cách thể chế

1. Tham mưu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị đúng quy trình theo quy định của pháp luật và đảm bảo chất lượng, thời gian theo chương trình công tác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Hằng năm ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề được phát hiện qua theo dõi theo thẩm quyền.

3. Hằng năm ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền.

Điều 6. Cải cách thủ tục hành chính

1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)

a) Hằng năm ban hành, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC và xử lý kết quả kiểm soát TTHC tại cơ quan, đơn vị; tổ chức triển khai thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định.

b) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, đảm bảo không tham mưu ban hành TTHC trái thẩm quyền, không đặt ra yêu cầu, điều kiện trái pháp luật trong quá trình giải quyết TTHC.

c) Chỉ đạo thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định của Chính phủ.

2. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

a) Hằng năm ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

b) Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC của cơ quan, đơn vị; kiến nghị xử lý kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC theo quy định.

3. Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ

a) Thường xuyên thông kê, cập nhật để trình công bố TTHC, danh mục TTHC mới ban hành được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ TTHC khi quy định pháp luật liên quan đến TTHC có sự thay đổi theo quy định.

b) Thực hiện công khai, minh bạch, đầy đủ, chính xác, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng dịch vụ công quốc gia; Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp và trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

Đồng thời công khai thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp và trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.

c) Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

4. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, theo dõi tình hình tiếp nhận và giải quyết TTHC trong nội bộ cơ quan, đơn vị để phòng ngừa, ngăn chặn các sai sót và xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tùy tiện đặt ra những quy định trái pháp luật và các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC.

5. Tổ chức thực hiện giải quyết 100% TTHC thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp của cơ quan, đơn vị theo quy định; đảm bảo tỷ lệ hồ sơ TTHC ở cấp tỉnh, cấp xã trong năm được giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt từ 95% trở lên.

6. Triển khai thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan, đơn vị.

7. Triển khai thực hiện cung cấp, tiếp nhận, xử lý và thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng, tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến; xây dựng và thực hiện các giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

8. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến TTHC; theo dõi, đôn đốc quá trình xử lý phản ánh, kiến nghị đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.

9. Theo dõi, đánh giá và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; công khai kết quả đánh giá chất

lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan.

Điều 7. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

1. Tuân thủ và tổ chức thực hiện đúng các quy định của Chính phủ, của các Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh về tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị.

2. Thường xuyên rà soát, trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc. Định kỳ kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc; xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

3. Thực hiện đúng quy định của nhà nước về cơ cấu số lượng lãnh đạo; về sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc, số lượng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

4. Thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp, phân quyền theo quy định của pháp luật. Định kỳ kiểm tra, đánh giá đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được phân cấp, phân quyền; xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền được phát hiện qua kiểm tra.

Điều 8. Cải cách chế độ công vụ

1. Cập nhật, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của cơ quan, đơn vị và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện bố trí công chức, viên chức và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.

2. Thực hiện quản lý công chức, viên chức (tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi vị trí công tác, biệt phái, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xét thăng hạng...) theo đúng quy định và tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định của Chính phủ và của UBND tỉnh.

3. Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

4. Tập trung chuẩn hóa, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và của tỉnh.

Điều 9. Cải cách tài chính công

1. Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách tại cơ quan, đơn vị theo đúng quy định của Nhà nước:

a) Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm đúng quy định.

b) Sử dụng kinh phí nguồn ngân sách nhà nước thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí và đúng quy định hiện hành.

c) Tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

d) Thực hiện chế độ công khai tài chính đúng quy định.

2. Tổ chức thực hiện công tác quản lý tài chính, sử dụng tài sản công đúng quy định, bảo đảm cơ quan, đơn vị hoạt động hiệu quả. Xử lý các sai phạm về quản lý, sử dụng tài sản công sau thanh tra, kiểm tra; thực hiện đúng quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, các quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo đúng quy định.

4. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; quy chế dân chủ; chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng; chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 10. Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

1. Hàng năm ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

2. Tập trung phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu:

a) Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử, Khung kiến trúc số theo quy định.

b) Triển khai, sử dụng Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây.

c) Tăng tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP).

d) Tăng tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức.

3. Triển khai thực hiện kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản giữa các cơ quan, đơn vị (đến cấp xã), giữa lãnh đạo và công chức, viên chức; tăng cường trao đổi văn bản, giải quyết công việc giữa các cơ quan, đơn vị trên môi trường mạng và thực hiện nghiêm chế độ bảo mật theo quy định.

4. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh thực hiện tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình cho tổ chức, công dân. Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Điều 11. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ CCHC

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hằng năm được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ CCHC phải thực hiện đầy đủ, đạt yêu cầu các nội dung trách nhiệm quy định tại Chương II Quy định này và kết quả Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị của năm đánh giá đạt từ 90 điểm trở lên theo Quyết định phê duyệt, công bố Chỉ số CCHC hằng năm của cấp có thẩm quyền.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ CCHC

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hằng năm được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ CCHC phải thực hiện đầy đủ, đạt yêu cầu các nội dung trách nhiệm theo quy định tại Chương II Quy định này và kết quả Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị đạt từ 80 điểm đến dưới 90 điểm theo Quyết định phê duyệt, công bố Chỉ số CCHC hằng năm của cấp có thẩm quyền.

3. Hoàn thành nhiệm vụ CCHC

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hằng năm được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ CCHC phải thực hiện đầy đủ, đạt yêu cầu các nội dung trách nhiệm theo quy định tại Chương II Quy định này và kết quả Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm theo Quyết định phê duyệt, công bố Chỉ số CCHC hằng năm của cấp có thẩm quyền.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ CCHC

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hằng năm bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ CCHC khi thực hiện không đầy đủ, chưa đạt yêu cầu một số nội dung trách nhiệm theo quy định tại Chương II Quy định này và kết quả Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị đạt dưới 70 điểm theo Quyết định phê duyệt, công bố Chỉ số CCHC hằng năm của cấp có thẩm quyền.

5. Kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC của người đứng đầu là một trong các cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của tập thể và người đứng đầu cơ quan, đơn vị; đồng thời là một trong những tiêu chí để đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cán bộ, công chức hằng năm.

Điều 12. Thời điểm và thẩm quyền đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính

1. Thời điểm đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC

Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC được thực hiện hằng năm, ngay sau khi có Quyết định phê duyệt, công bố Chỉ số CCHC hằng năm của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC

Chủ tịch UBND tỉnh đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC của người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu.

Điều 13. Xử lý vi phạm đối với người đứng đầu

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị nếu vi phạm trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ CCHC theo quy định tại Chương II Quy định này thì ngoài việc bị xử lý kỷ luật theo quy định, sẽ bị xem xét điều chuyển, bố trí công tác khác đối với các trường hợp sau đây:

1. Vi phạm các nội dung trách nhiệm người đứng đầu quy định tại Chương II Quy định này gây hậu quả nghiêm trọng.
2. Có 02 (hai) năm liên tiếp bị đánh giá, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ CCHC theo khoản 4 Điều 11 Quy định này.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện quy định này.
2. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện quy định này (lồng ghép trong báo cáo CCHC) định kỳ hằng năm theo quy định.
3. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC nhằm đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu, giúp Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc chấp hành Quy định này và định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị (lồng ghép trong báo cáo CCHC).
2. Tham mưu, giúp Chủ tịch UBND tỉnh đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC của người đứng đầu sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND xã, phường, đặc khu theo quy định.
3. Tổng hợp và đề xuất khen thưởng những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ CCHC theo quy định.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
